

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

*Cho năm tài chính cuối cùng từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/7/2016*

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN  
GIÀY THƯỢNG ĐÌNH**

# MỤC LỤC

--- oOo ---

---

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01 - 03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 37

---

# CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN GIÀY THƯỢNG ĐÌNH BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

*Cho năm tài chính cuối cùng từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/7/2016*

*Ban Tổng Giám đốc trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính cuối cùng từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/7/2016 của Công ty.*

## 1. Thông tin chung về Công ty

### Thành lập

Công ty TNHH Một thành viên Giày Thượng Đình tiền thân là Xí nghiệp Giày Thượng Đình được thành lập theo Quyết định số 2753/QĐ-UB ngày 10/11/1992 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Xí nghiệp chính thức chuyển thành Công ty Giày Thượng Đình kể từ ngày 08/7/1993 theo Quyết định số 2556/QĐ-UB ngày 08/7/1993 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Công ty Giày Thượng Đình chuyển đổi thành Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Giày Thượng Đình theo Quyết định số 108/2005/QĐ-UB ngày 26/7/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội kể từ ngày ký Quyết định; hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0104000224 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01/9/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03/01/2014. Từ ngày 29/6/2011 Công ty đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Giày Thượng Đình theo Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/6/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu thực góp tại thời điểm 01/01/2016 là **41.328.491.978 đồng** (Bốn mươi một tỷ, ba trăm hai mươi tám triệu, bốn trăm chín mươi một nghìn, chín trăm bảy mươi tám đồng).

Vốn đầu tư của chủ sở hữu thực góp tại thời điểm 18/7/2016 là **93.000.000.000 đồng** (Chín mươi ba tỷ đồng chẵn).

Bắt đầu từ ngày 19/7/2016, Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu sang mô hình cổ phần theo quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc “Chuyển Công ty TNHH MTV Giày Thượng Đình thành Công ty Cổ phần Giày Thượng Đình” và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100939 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19/7/2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100100939 thay đổi lần thứ 4 ngày 19/7/2016 là **93.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Chín mươi ba tỷ đồng chẵn).

**Hình thức sở hữu vốn:** TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

**Hoạt động chính của Công ty:** Trong năm tài chính cuối cùng từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/7/2016, hoạt động chính của Công ty là sản xuất các loại giày vải, giày thể thao; xuất khẩu các sản phẩm của Công ty; cho thuê trụ sở văn phòng, nhà ở.

**Tên tiếng Anh:** Thuong Dinh Footwear Company.

**Trụ sở chính:** Số 277 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

## 2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Số liệu về tình hình tài chính tại ngày 18/7/2016; kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính cuối cùng từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/7/2016 của Công ty được thể hiện cụ thể tại Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính, được trình bày từ trang 05 đến trang 37 kèm theo.

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN GIÀY THƯỢNG ĐÌNH**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

*Cho năm tài chính cuối cùng từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/7/2016*

**3. Thành phần Ban lãnh đạo Công ty**

- Các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính cuối cùng từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/7/2016 gồm:

Ông Nguyễn Duy Tân	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật
Ông Vũ Công Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thục Oanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Huân	Phó Tổng Giám đốc

- Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty từ ngày 19/7/2016 đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Thành viên Hội đồng quản trị:

Ông Nguyễn Duy Tân	Chủ tịch Hội đồng quản trị - Người đại diện theo pháp luật	Bỏ nhiệm ngày 25/5/2016
Ông Trần Thanh Tú	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 25/5/2016
Ông Nguyễn Văn Khiêm	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 25/5/2016
Ông Bùi Tất Thắng	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 25/5/2016
Ông Nguyễn Bá Minh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 25/5/2016
Ông Nguyễn Thế Huân	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 25/5/2016
Ông Nguyễn Văn Nam	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 25/5/2016

Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

Ông Nguyễn Văn Khiêm	Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật	Bỏ nhiệm ngày 19/7/2016
Ông Bùi Tất Thắng	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 19/7/2016
Ông Nguyễn Thế Huân	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 19/7/2016
Bà Trịnh Thị Thúy Mai	Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm ngày 19/7/2016

Thành viên Ban kiểm soát:

Bà Trần Thị Châu Giang	Trưởng ban Kiểm soát	Bỏ nhiệm ngày 25/5/2016
Ông Bùi Việt Cường	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 25/5/2016
Bà Lưu Thị Thanh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 25/5/2016

**4. Kiểm toán độc lập**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học Tp. Hồ Chí Minh (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính cuối cùng từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/7/2016.

**5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 18/7/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính cuối cùng từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/7/2016. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN GIẤY THƯỢNG ĐÌNH**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

*Cho năm tài chính cuối cùng từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/7/2016*

**5. Cam kết của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

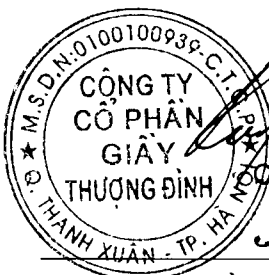
**6. Xác nhận**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 18/7/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính cuối cùng từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/7/2016.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và đã thực hiện việc xử lý tài chính khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo hướng dẫn tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần.

*Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2016*

**Đại diện Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**



*Nguyễn Duy Tân*  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Chủ tịch Hội đồng quản trị**

**Nguyễn Duy Tân**



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & DỊCH VỤ TIN HỌC TP.HCM**  
Auditing & Informatic Services Company Limited

**Office:** 389A Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, TP.Hồ Chí Minh  
**Tel:** (84.8) 3832 8964 (10 Lines) **Fax:** (84.8) 3834 2957  
**Email:** info@aisc.com.vn **Website:** www.aisc.com.vn



Số: 160637-THB/BCKT-AISHN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN GIẤY THƯỢNG ĐÌNH**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Giấy Thượng Đình (sau đây được viết tắt là “Công ty”) được lập ngày 17/8/2016 từ trang 06 đến trang 37 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 18/7/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính cuối cùng kết thúc cùng ngày.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập, trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định về xử lý tài chính trong quá trình cổ phần hóa, các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập, trình bày báo cáo tài chính; chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập, trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và các quy định về xử lý tài chính trong quá trình cổ phần hóa. Các chuẩn mực, quy định này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Văn phòng Công ty và Nhà máy Sản xuất giấy da xuất khẩu - Đồng Văn - Hà Nam chưa tính giá trị thành phẩm nhập kho theo thực tế phát sinh; đơn giá thành phẩm nhập kho và tồn kho cuối kỳ đang được xác định theo giá tạm tính; Nhà máy cũng chưa thực hiện tính giá thành thành phẩm theo từng tháng.

Đến thời điểm phát hành báo cáo này, Báo cáo tình hình thực hiện lao động tiền lương, tiền thưởng của người lao động và quỹ tiền lương, tiền thưởng đối với viên chức quản lý của Văn phòng Công ty cho năm tài chính cuối cùng từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/7/2016 đang chờ được Sở Lao động thương binh và Xã hội thành phố Hà Nội phê duyệt. Với các tài liệu hiện có và bằng các thủ tục kiểm toán khác, chúng tôi cũng chưa thể khẳng định được tính hiện hữu của chỉ tiêu “Phải trả người lao động” trên Báo cáo tài chính.

Branch in Hà Nội : C2 Room, 24 Floor - E9 Lot, VIMECO Building, Phạm Hưng St, Cau Giay Dist, Hà Nội

Branch in Đà Nẵng : 36 Hà Huy Tập St, Thanh Khê Dist, Đà Nẵng  
Representative in Cần Thơ : 48B/243/1A, 30/4 St., Ninh Kiều Dist, Cần Thơ City  
Representative in Hải Phòng : 18 Hoàng Văn Thụ St, Hồng Bàng Dist, Hải Phòng

Tel : (04) 3782 0045/46 /47 Fax : (04) 3782 0048 Email: aishn@hn.vnn.vn  
Tel : (0511) 371 5619 Fax : (0511) 371 5620 Email: aiscct@dn.vnn.vn  
Tel : (0710) 3813 004 Fax : (0710) 3828 765  
Tel : (031) 3569 577 Fax : (031) 3569 576

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

Như đã thuyết minh tại Mục 4, 5 phần IV - Các chính sách kế toán áp dụng của Thuyết minh Báo cáo tài chính, Chúng tôi muốn nhấn mạnh người đọc Báo cáo tài chính rằng theo hướng dẫn tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần*”. Công ty không thực hiện trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Nếu theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp*”, Kiểm toán viên ước tính giá trị dự phòng các khoản phải thu khó đòi cần trích lập là **6.799.082.824 đồng**; Giá trị trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với lượng thành phẩm chậm luân chuyển theo tỷ lệ trích lập 100% là **1.787.591.191 đồng**.

Ảnh hưởng của việc chưa trích lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi và giảm giá hàng tồn kho trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính cuối cùng từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/7/2016 của Công ty làm cho Chỉ tiêu “Giá vốn hàng bán” bị ghi giảm giá trị **1.787.591.191 đồng**, Chỉ tiêu “Chi phí quản lý doanh nghiệp” bị ghi giảm giá trị **6.799.082.824 đồng** và Chỉ tiêu “Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế” bị ghi tăng giá trị **8.586.674.015 đồng**.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ” và những ảnh hưởng của chúng tới báo cáo tài chính, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Giấy Thượng Đình tại ngày 18/7/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính cuối cùng từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/7/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định về xử lý tài chính trong quá trình cổ phần hóa.

### Lưu ý

Như đã thuyết minh tại Mục 1 phần VIII - Những thông tin khác của Thuyết minh Báo cáo tài chính, tại thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đã chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu sang mô hình Công ty Cổ phần nên con dấu Công ty đang sử dụng trong Báo cáo tài chính này là của Công ty Cổ phần.

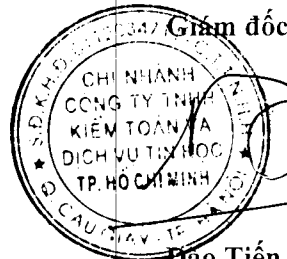
Hà Nội, ngày 22 tháng 11 năm 2016

**CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN  
& DỊCH VỤ TIN HỌC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ  
MINH**

Kiểm toán viên



**Nguyễn Thị Minh Nguyệt**  
Số giấy CNĐKHNKT: 2958-2014-005-1  
Bộ Tài chính Việt Nam cấp



**Đào Tiên Đạt**  
Số giấy CNĐKHNKT: 0078-2013-05-1  
Bộ Tài chính Việt Nam cấp

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 18 tháng 7 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	18/7/2016	01/01/2016
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>123.162.047.931</b>	<b>145.094.184.969</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>31.291.833.476</b>	<b>36.166.941.485</b>
1. Tiền	111		31.291.833.476	28.533.481.211
2. Các khoản tương đương tiền	112		0	7.633.460.274
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2</b>	<b>7.740.845.320</b>	<b>9.135.300.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0	9.135.300.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		7.740.845.320	0
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>42.862.471.139</b>	<b>52.277.125.838</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	41.511.817.991	50.492.575.439
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	939.509.510	727.530.510
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	411.143.638	1.057.019.889
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>38.015.107.105</b>	<b>45.424.101.426</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	38.015.107.105	45.424.101.426
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.251.790.891</b>	<b>2.090.716.220</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	287.004.162	219.663.486
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.746.244.160	1.627.810.807
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12b	218.542.569	243.241.927
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>95.135.406.014</b>	<b>34.665.985.314</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>86.346.135.071</b>	<b>32.652.143.705</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	86.346.135.071	32.652.143.705
<i>Nguyên giá</i>	222		179.071.370.338	72.348.610.208
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(92.725.235.267)	(39.696.466.503)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>8.789.270.943</b>	<b>2.013.841.609</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	8.789.270.943	2.013.841.609
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>218.297.453.945</b>	<b>179.760.170.283</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**

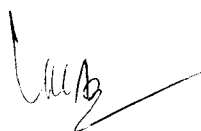
Tại ngày 18 tháng 7 năm 2016

Đơn vị tính: đồng

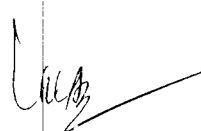
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	18/7/2016	01/01/2016
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>123.913.140.515</b>	<b>138.086.653.117</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>123.792.000.265</b>	<b>137.818.960.442</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	36.828.794.621	45.226.763.463
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	1.539.258.648	946.651.645
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12a	905.101.872	187.887.770
4. Phải trả người lao động	314		4.299.920.120	8.009.927.200
5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.13a	759.012.026	0
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	38.012.718.270	37.927.350.234
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15a	39.997.176.343	45.307.949.007
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.450.018.365	212.431.123
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>121.140.250</b>	<b>267.692.675</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.13b	0	40.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15b	121.140.250	227.692.675
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>94.384.313.430</b>	<b>41.673.517.166</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.16</b>	<b>94.039.288.242</b>	<b>41.328.491.978</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		93.000.000.000	41.328.491.978
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		357.141.706	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		682.146.536	0
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>345.025.188</b>	<b>345.025.188</b>
1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		345.025.188	345.025.188
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>218.297.453.945</b>	<b>179.760.170.283</b>

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

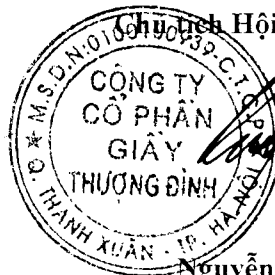


Trưởng phòng kế toán



Trịnh Thị Thúy Mai

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Duy Tân

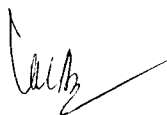
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/7/2016

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/7/2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	160.367.299.025
<b>2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>VI.2</b>	<b>160.367.299.025</b>
3. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	134.625.170.351
<b>4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>25.742.128.674</b>
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	839.221.927
6. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.018.438.791
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		696.891.173
7. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	4.459.698.101
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	18.411.913.391
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>2.691.300.318</b>
10. Thu nhập khác	31	VI.7	44.616.338
11. Chi phí khác	32	VI.8	296.771.385
<b>12. Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>(252.155.047)</b>
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>2.439.145.271</b>
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	499.271.284
<b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>1.939.873.987</b>

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu



Trưởng phòng kế toán



Trịnh Thị Thúy Mai



Chủ tịch Hội đồng quản trị

Nguyễn Duy Tân

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/7/2016

STT	Chỉ tiêu	Mã số	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/7/2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1.	Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	182.190.464.293
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(116.337.116.904)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03	(43.039.593.700)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04	(696.720.382)
5.	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(70.000.000)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.761.991.050
7.	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(19.638.141.087)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>8.170.883.270</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1.	Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ & các tài sản dài hạn khác	21	(414.331.091)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ & các tài sản dài hạn khác	22	100.000.000
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(7.740.845.320)
4.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	112.219.433
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(7.942.956.978)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	100.741.352.091
2.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(105.845.154.792)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(5.103.802.701)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(4.875.876.409)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>36.166.941.485</b>
	<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<i>61</i>	<i>768.400</i>
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>31.291.833.476</b>

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Trưởng phòng kế toán

Trịnh Thị Thúy Mai



Nguyễn Duy Tân

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Thành lập**

Công ty TNHH Một thành viên Giày Thượng Đình tiền thân là Xí nghiệp Giày Thượng Đình được thành lập theo Quyết định số 2753/QĐ-UB ngày 10/11/1992 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Xí nghiệp chính thức chuyển thành Công ty Giày Thượng Đình kể từ ngày 08/7/1993 theo Quyết định số 2556/QĐ-UB ngày 08/7/1993 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Công ty Giày Thượng Đình chuyển đổi thành Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Giày Thượng Đình theo Quyết định số 108/2005/QĐ-UB ngày 26/7/2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội kể từ ngày ký Quyết định; hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0104000224 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01/9/2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03/01/2014. Từ ngày 29/6/2011 Công ty đổi tên thành Công ty TNHH Một thành viên Giày Thượng Đình theo Quyết định số 3098/QĐ-UBND ngày 29/6/2011 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu thực góp tại thời điểm 18/7/2016 là **93.000.000.000 đồng** (Chín mươi tỷ đồng chẵn).

Bắt đầu từ ngày 19/7/2016, Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu sang mô hình cổ phần theo quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc “Chuyển Công ty TNHH MTV Giày Thượng Đình thành Công ty Cổ phần Giày Thượng Đình” và theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100939 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19/7/2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0100100939 thay đổi lần thứ 4 ngày 19/7/2016 là 93.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín mươi ba tỷ đồng chẵn).

**Trụ sở chính:** Số 277 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội.

**2. Hình thức sở hữu vốn**

Hình thức sở hữu vốn: TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

**3. Lĩnh vực kinh doanh****3.1. Lĩnh vực kinh doanh chính**

Lĩnh vực kinh doanh chủ yếu của Công ty trong năm tài chính cuối cùng từ ngày 01/01.2016 đến ngày 18/7/2016 là sản xuất các loại giày vải, giày thể thao; xuất khẩu các sản phẩm của Công ty; cho thuê trụ sở văn phòng, nhà ở.

**3.2. Ngành nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh**

Ngành nghề kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty là:

- Sản xuất các loại giày vải, giày thể thao và dép các loại;
- Xuất khẩu các sản phẩm của Công ty và nhận ủy thác xuất khẩu cho các đơn vị kinh tế trong nước khi có yêu cầu;
- Hợp tác liên doanh, liên kết, mở cửa hàng, đại lý để giới thiệu và tiêu thụ các sản phẩm của Công ty và sản phẩm liên doanh, liên kết với các đơn vị kinh tế trong và ngoài nước;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3.2 Ngành nghề kinh doanh theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (tiếp theo)**

- Nhập khẩu các loại nguyên liệu, máy móc, phụ tùng thiết bị phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty và các đơn vị kinh tế có nhu cầu;
- Dịch vụ nhà khách và dịch vụ du lịch;
- Cho thuê trụ sở văn phòng, nhà ở, siêu thị, kho tàng, bến bãi;
- Kinh doanh thương mại;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đào tạo dạy nghề, nâng cao tay nghề cho các cán bộ công nhân viên hoặc các đối tượng khác khi có nhu cầu.

**4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng trong năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

**5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính**  
Không có.**6. Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại thời điểm 18/7/2016, cơ cấu Công ty gồm có:

- Văn phòng Công ty TNHH Một thành viên Giấy Thượng Đình (sau đây viết tắt là “Văn phòng Công ty”), tại số 277 đường Nguyễn Trãi, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội;
- 01 (một) Nhà máy trực thuộc hạch toán độc lập là Nhà máy Sản xuất giấy da xuất khẩu, tại Khu công nghiệp Đồng Văn, tỉnh Hà Nam;
- 01 (một) Chi nhánh hạch toán phụ thuộc là Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Giấy Thượng Đình tại thị xã Sầm Sơn - Thanh Hóa, địa chỉ ở số 44, đường Tô Hiến Thành, phường Trường Sơn, thị xã Sầm Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

**7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính cuối cùng của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01/2016 và kết thúc tại ngày 18/7/2016.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đồng Việt Nam (đồng) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán và lập Báo cáo tài chính.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo cáo tài chính".

**3. Hình thức kế toán áp dụng**

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh**

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các Báo cáo tài chính cho năm hiện hành được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015. Ngoại trừ chính sách về tỷ giá hối đoái ghi nhận trong kế toán được nêu tại thuyết minh số IV.2.

**2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Công ty thực hiện quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam căn cứ vào tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán.

**Nguyên tắc xác định tỷ giá giao dịch thực tế**

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: áp dụng theo tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Tỷ giá mua quy đổi tại ngày 18/7/2016: 22.260 VND/USD.

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: áp dụng theo tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Tỷ giá bán quy đổi tại ngày 18/7/2016: 22.330 VND/USD.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

**Nguyên tắc xác định tỷ giá ghi sổ kế toán**

Khi thu hồi các khoản nợ phải thu, các khoản ký cược, ký quỹ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ, Công ty sử dụng tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh.

**3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu:** theo giá gốc

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

**Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi:** Công ty thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần*” thì trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, Công ty không thực hiện trích lập các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

**5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Kê khai thường xuyên;

**Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:** Nhập trước xuất trước;

**Nguyên tắc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Công ty thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần*” thì trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, Công ty không thực hiện trích lập các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

**6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ****6.1. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Theo nguyên tắc giá gốc.

**6.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ**

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh. Tỷ lệ khấu hao phù hợp với Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 10/6/2013 của Bộ Tài chính về việc “*Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và khấu hao tài sản cố định*”.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***6.2. Phương pháp khấu hao TSCĐ (tiếp theo)***Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:*

<i>Nhà xưởng, vật kiến trúc</i>	<i>10 - 50 năm</i>
<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>07 - 10 năm</i>
<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>10 năm</i>
<i>Thiết bị, dụng cụ quản lý</i>	<i>05 - 10 năm</i>

**7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính****Nguyên tắc kế toán đối với chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh bao gồm cổ phiếu nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời).

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu.

**Nguyên tắc kế toán đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính:**

Theo hướng dẫn tại Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần" thì trong giai đoạn từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, Công ty không thực hiện trích lập các khoản dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính.

**8. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước tại công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: Chi phí mua bảo hiểm; công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ;...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 13 tháng đến 36 tháng.

**9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả người lao động, phải trả khác.... tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa Công ty và đối tượng phải trả.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả (tiếp theo)**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

**10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ.

**11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại Chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

**12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu****Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu:**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành do nhà nước giao vốn, vốn do công ty mẹ đầu tư vào công ty con, các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản hoặc được bổ sung từ các quỹ, được trích từ lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh.

**Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:** Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về việc "Đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp" và điều lệ Công ty.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác****Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;

2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ

CH  
LÒN  
KIẾ  
DỊCH  
TP.  
ĐAU

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)**

được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

***Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

***Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (lãi tỷ giá hối đoái),...

Doanh thu hoạt động tài chính: tuân thủ 2 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 - *Doanh thu và thu nhập khác*: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

***Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác***

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập bất thường ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm: Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ, các khoản tiền phạt thu được, ...

**14. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, dịch vụ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

**15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính bao gồm: Chi phí lãi tiền vay, các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ, ...

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**17. Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu*****Tài sản tài chính***

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác.

***Nợ phải trả tài chính***

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay và nợ, phải trả người bán và phải trả khác.

***Giá trị sau ghi nhận lần đầu***

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

***Bù trừ các công cụ tài chính***

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

**18. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

**19. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**

Thuế giá trị gia tăng: Công ty đăng ký nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Các loại thuế, phí khác được thực hiện theo quy định về thuế, phí hiện hành của Nhà nước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: đồng

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	18/7/2016		01/01/2016	
	USD	đồng	USD	đồng
<b>Tiền</b>		<b>31.291.833.476</b>		<b>28.533.481.211</b>
<i>Tiền mặt</i>		<i>87.136.815</i>		<i>1.335.863.150</i>
<i>Tiền gửi ngân hàng</i>	<i>95.495,67</i>	<i>31.204.696.661</i>	<i>2.751,19</i>	<i>27.197.618.061</i>
Tiền gửi Việt Nam đồng		29.078.963.047		27.135.853.845
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thành Công		28.896.743.556		27.131.170.213
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thanh Xuân		179.489.142		2.775.690
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nam		2.730.349		1.907.942
Tiền gửi ngoại tệ (USD)	95.495,67	2.125.733.614	2.751,19	61.764.216
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thành Công	95.495,67	2.125.733.614	2.751,19	61.764.216
<b>Các khoản tương đương tiền</b>		<b>0</b>		<b>7.633.460.274</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thành Công (tài khoản tiết kiệm kỳ hạn 01 tháng)		0		7.633.460.274
<b>Cộng</b>	<b>95.495,67</b>	<b>31.291.833.476</b>	<b>2.751,19</b>	<b>36.166.941.485</b>

**2. Các khoản đầu tư tài chính**

	18/7/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
<b>a- Ngắn hạn</b>						
<i>Chứng khoán kinh doanh</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>9.135.300.000</i>	<i>0</i>	<i>9.135.300.000</i>
Công ty CP Cao su Hà Nội (a)	0	0	0	9.135.300.000	0	9.135.300.000
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>7.740.845.320</i>	<i>0</i>	<i>7.740.845.320</i>	<i>0</i>	<i>0</i>	<i>0</i>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thành Công (tài khoản tiết kiệm kỳ hạn 06 tháng)	7.740.845.320	0	7.740.845.320	0	0	0
<b>Cộng</b>	<b>7.740.845.320</b>	<b>0</b>	<b>7.740.845.320</b>	<b>9.135.300.000</b>	<b>0</b>	<b>9.135.300.000</b>

(a) Tại ngày 01/01/2016: Vốn góp của Công ty TNHH Một thành viên Giấy Thương Đình tại Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội là 9.135.300.000 đồng, tỷ lệ vốn góp tương ứng 34,47% vốn điều lệ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

Đến thời điểm 18/7/2016, giá trị vốn góp này Công ty vẫn chưa thoái được. Theo Quyết định số 912/QĐ-UBND ngày 24/02/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Giày Thượng Đình, Công ty loại trừ khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội ra khỏi giá trị định giá cổ phần hóa. Khoản đầu tư này được theo dõi trên tài khoản ngoại bảng để thu hồi.

**3. Phải thu khách hàng**

	18/7/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a- Ngắn hạn</b>	<b>41.511.817.991</b>	<b>0</b>	<b>50.492.575.439</b>	<b>0</b>
Nippon Steel and Sumikin Bussan Corporation	14.862.236.924	0	6.486.149.608	0
Đỗ Thị Hoà	6.042.076.599	0	6.042.076.599	0
SHIN SUNG Trading Co., Ltd	0	0	9.565.927.040	0
Central Park Shoes HK LTD	0	0	6.282.574.804	0
Phải thu khách hàng khác	20.607.504.468	0	22.115.847.388	0
<b>Cộng</b>	<b>41.511.817.991</b>	<b>0</b>	<b>50.492.575.439</b>	<b>0</b>

**4. Trả trước cho người bán**

	18/7/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>939.509.510</b>	<b>0</b>	<b>727.530.510</b>	<b>0</b>
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Việt Hà	350.000.000	0	350.000.000	0
Trung tâm Tư vấn Kiến trúc và Đầu tư xây dựng	200.000.000	0	200.000.000	0
Công ty Cổ phần Kiến trúc đô thị Việt Nam	100.000.000	0	100.000.000	0
Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Thương mại Dịch vụ Nguyễn Anh Khôi	0	0	39.045.000	0
Trả trước cho người bán khác	289.509.510	0	38.485.510	0
<b>Cộng</b>	<b>939.509.510</b>	<b>0</b>	<b>727.530.510</b>	<b>0</b>

**CÔNG TY TNHH MTV GIÀY THƯỢNG ĐÌNH**

Mẫu số B09 - DN

Địa chỉ: Số 277 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Tel: 04.3854 1262

Fax: 04. 3858 2063

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**5. Phải thu khác**

	18/7/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>411.143.638</b>	<b>0</b>	<b>1.057.019.889</b>	<b>0</b>
Phải thu về cổ phần hóa	0	0	770.330.754	0
Tạm ứng	212.830.000	0	220.230.000	0
Nguyễn Bá Minh	102.000.000	0	2.000.000	0
Đỗ Thị Thanh	50.000.000	0	0	0
Đỗ Thanh Sơn	9.500.000	0	79.500.000	0
Phan Quang Huy	0	0	75.000.000	0
Bùi Thị Hạnh	16.000.000	0	26.000.000	0
Tạm ứng cho các cá nhân khác	35.330.000	0	37.730.000	0
Dự thu lãi khoản tiền gửi có kỳ hạn	113.790.426	0	0	0
Phải thu Phòng xuất nhập khẩu	56.309.023	0	48.400.880	0
Phải thu Phòng Kế hoạch vật tư	5.000.000	0	5.000.000	0
Công ty TNHH Hóa dệt Hà Tây	3.379.600	0	3.379.600	0
Thuế thu nhập cá nhân	0	0	9.678.655	0
Phải thu ngắn hạn khác	19.834.589	0	0	0
<b>Cộng</b>	<b>411.143.638</b>	<b>0</b>	<b>1.057.019.889</b>	<b>0</b>

**6. Nợ xấu**

Đối tượng công nợ	18/7/2016			01/01/2016		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
Đỗ Thị Hòa (*)	6.042.076.599	0	Phát sinh từ năm 2014	6.042.076.599	0	Phát sinh từ năm 2014
Nguyễn Khánh Toàn (*)	3.559.692.131	0	Phát sinh từ năm 2014	3.559.692.131	0	Phát sinh từ năm 2014
Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giày dép các loại (*)	2.790.815.438	0	Phát sinh từ năm 2014	2.790.815.438	0	Phát sinh từ năm 2014
NEXT PLC	817.796.252	245.338.876	Phát sinh từ năm 2013	817.796.252	245.338.876	Phát sinh từ năm 2013
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hà Long	39.600.000	11.880.000	Phát sinh từ năm 2013	39.600.000	11.880.000	Phát sinh từ năm 2013
Công ty TNHH Đầu tư phát triển kinh tế Đồng Ân	2.613.364	0	Phát sinh từ trước năm 2013	2.613.364	0	Phát sinh từ trước năm 2013
<b>Tổng</b>	<b>13.252.593.784</b>	<b>257.218.876</b>		<b>13.252.593.784</b>	<b>257.218.876</b>	

(\*): Đây là các khoản phải thu do bà Đỗ Thị Hòa đứng tên chịu trách nhiệm về nghĩa vụ trả nợ (trong đó ông Nguyễn Khánh Toàn là con rể bà Hòa; Công ty TNHH Thương mại Bảo hộ lao động Giày dép các loại do bà Hòa làm Giám đốc). Tổng số dư tại ngày 18/7/2016 của các khoản công nợ này là

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**6. Nợ xấu (tiếp theo)**

12.392.584.168 đồng. Về vấn đề này, Công ty TNHH MTV Giấy Thượng Đình đã nhiều lần gửi công văn yêu cầu thanh toán khoản nợ. Ngày 29/7/2014, bà Đỗ Thị Hòa đã viết Giấy cam kết về việc thanh toán công nợ với thời hạn thanh toán là đến ngày 31/12/2014. Tuy nhiên đến thời hạn trên bà Hòa vẫn chưa thanh toán theo nội dung cam kết. Các khoản công nợ trên đã quá thời hạn thanh toán và được Công ty đánh giá là khó có khả năng thu hồi. Tại thời điểm 18/7/2016, Văn phòng Công ty không thực hiện đối chiếu công nợ được với các đối tượng này.

Tại thời điểm kết thúc cho năm tài chính cuối cùng từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/7/2016, Văn phòng Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ trên theo quy định tại Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần”.

**7. Hàng tồn kho**

	18/7/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.571.160.315	0	16.750.505.321	0
Công cụ, dụng cụ	559.099.401	0	600.540.320	0
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.400.260.854	0	7.654.965.106	0
Thành phẩm	17.484.586.535	0	20.418.090.679	0
<b>Cộng</b>	<b>38.015.107.105</b>	<b>0</b>	<b>45.424.101.426</b>	<b>0</b>

**8. Chi phí trả trước**

	18/7/2016	01/01/2016
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>287.004.162</b>	<b>219.663.486</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	287.004.162	219.663.486
<b>b. Dài hạn</b>	<b>8.789.270.943</b>	<b>2.013.841.609</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	5.585.428.152	1.042.353.469
Chi phí cải tạo nền nhà kho bao gói	193.623.677	258.267.508
Chi phí nâng cấp nhà kho	195.739.858	243.040.027
Chi phí làm trần phân xưởng cắt	23.024.258	104.975.008
Chi phí cải tạo kho phân xưởng gò	59.101.198	93.669.823
Chi phí cải tạo nâng nền nhà kho	64.438.500	92.867.250
Chi phí làm hệ thống chống nóng phân xưởng mẫu và bao gói	68.752.218	39.737.637
Chi phí sửa chữa nồi hơi	13.448.387	46.610.887
Sửa chữa trạm điện	6.045.714	42.320.000
Lợi thế kinh doanh	2.579.668.981	0
<b>Cộng</b>	<b>9.076.275.105</b>	<b>2.233.505.095</b>



**CÔNG TY TNHH MTV GIÀY THƯỢNG ĐÌNH****Mẫu số B09 - DN**

Địa chỉ: Số 277 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

*Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*

Tel: 04.3854 1262

Fax: 04. 3858 2063

*Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính***THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

KHOẢN MỤC	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2016	39.942.319.136	28.800.917.396	2.911.319.416	229.554.260	464.500.000	72.348.610.208
Mua trong năm	0	138.800.000	0	0	0	138.800.000
Tăng do đánh giá lại tài sản (*)	106.674.567.341	0	244.765.884	0	0	106.919.333.225
Thanh lý, nhượng bán	0	0	(235.854.545)	0	0	(235.854.545)
Giảm do đánh giá lại tài sản (*)	0	(99.518.550)	0	0	0	(99.518.550)
<b>Số dư tại 18/7/2016</b>	<b>146.616.886.477</b>	<b>28.840.198.846</b>	<b>2.920.230.755</b>	<b>229.554.260</b>	<b>464.500.000</b>	<b>179.071.370.338</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2016	15.884.446.093	22.173.709.682	971.228.664	202.582.064	464.500.000	39.696.466.503
Khấu hao trong năm	517.165.238	680.200.216	159.730.744	9.015.664	0	1.366.111.862
Tăng do đánh giá lại tài sản (*)	55.363.501.653	0	86.943.481	0	0	55.450.445.134
Thanh lý, nhượng bán	0	0	(48.577.940)	0	0	(48.577.940)
Giảm do đánh giá lại tài sản (*)	0	(3.660.893.090)	0	(22.577.206)	(55.739.996)	(3.739.210.292)
<b>Số dư tại 18/7/2016</b>	<b>71.765.112.984</b>	<b>19.193.016.808</b>	<b>1.169.324.949</b>	<b>189.020.522</b>	<b>408.760.004</b>	<b>92.725.235.267</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số dư tại 01/01/2016	24.057.873.043	6.627.207.714	1.940.090.752	26.972.196	0	32.652.143.705
Số dư tại 18/7/2016	74.851.773.493	9.647.182.038	1.750.905.806	40.533.738	55.739.996	86.346.135.071

(\*): Tăng, giảm nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản cố định do đánh giá lại theo Quyết định số 912/QĐ-UBND ngày 24/02/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Giày Thượng Đình.

Giá trị còn lại tại ngày 18/7/2016 của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: **29.824.243.592 đồng**.

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao tại ngày 18/7/2016 nhưng vẫn còn sử dụng: **0 đồng**.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 18/7/2016 chờ thanh lý: **0 đồng**.

**CÔNG TY TNHH MTV GIÀY THƯƠNG ĐÌNH**

Mẫu số B09 - DN

Địa chỉ: Số 277 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Tel: 04.3854 1262

Fax: 04. 3858 2063

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***10. Phải trả người bán**

	18/7/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a- Ngắn hạn</b>	<b>36.828.794.621</b>	<b>36.828.794.621</b>	<b>45.226.763.463</b>	<b>45.226.763.463</b>
Hợp tác xã CN Trường Sơn	3.912.462.600	3.912.462.600	3.469.853.640	3.469.853.640
Công ty TNHH Thương mại Dệt may Thanh Tùng	3.381.087.243	3.381.087.243	3.780.505.344	3.780.505.344
Công ty TNHH Lợi Thành Vũ Thị Nga	2.886.965.191	2.886.965.191	5.111.591.397	5.111.591.397
Công ty TNHH Lợi Thành Vũ Thị Nga	2.249.389.835	2.249.389.835	2.574.249.322	2.574.249.322
Công ty TNHH Nguyên phụ liệu Da giày Phương Nam	2.066.760.658	2.066.760.658	2.382.087.185	2.382.087.185
Công ty Cổ phần Thiên Sơn	1.852.427.604	1.852.427.604	2.324.458.219	2.324.458.219
Cửa hàng Triệu Thị Dung	600.080.000	600.080.000	748.480.000	748.480.000
Nguyễn Văn Lưu	457.580.192	457.580.192	555.065.150	555.065.150
Vật tư nhập ngoại	170.551.500	170.551.500	4.631.480.206	4.631.480.206
Phải trả người bán khác	19.251.489.798	19.251.489.798	19.648.993.000	19.648.993.000
<b>Cộng</b>	<b>36.828.794.621</b>	<b>36.828.794.621</b>	<b>45.226.763.463</b>	<b>45.226.763.463</b>

**11. Người mua trả tiền trước**

	18/7/2016	01/01/2016
	<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.539.258.648</b>
Công ty TNHH Thesis International	820.293.180	0
Central Park Shoes HK LTD	377.237.145	0
Công ty TNHH Bata Việt Nam	172.092.060	0
Công ty TNHH Phong Châu	161.155.138	301.033.160
Công ty Cổ phần Giày Thái Thịnh	0	395.308.960
Công ty TNHH Thương Mại Hằng Hưng	0	197.472.000
Công ty Cổ phần Ngọc Nguyên Châu	0	26.400.000
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Kim Phúc	0	21.795.786
Người mua trả tiền trước khác	8.481.125	4.641.739
<b>Cộng</b>	<b>1.539.258.648</b>	<b>946.651.645</b>

**CÔNG TY TNHH MTV GIÀY THƯỢNG ĐÌNH**

Mẫu số B09 - DN

Địa chỉ: Số 277 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Tel: 04.3854 1262

Fax: 04. 3858 2063

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	18/7/2016
<b>a- Phải nộp</b>	<b>187.887.770</b>	<b>3.942.357.003</b>	<b>3.225.142.901</b>	<b>905.101.872</b>
Thuế giá trị gia tăng (Nhà máy sản xuất Giày da xuất khẩu - Hà Nam)	78.654.740	592.437.190	594.167.246	76.924.684
Thuế thu nhập doanh nghiệp	99.554.375	528.591.863	70.000.000	558.146.238
Thuế thu nhập cá nhân	9.678.655	12.183.700	9.678.655	12.183.700
Tiền thuê đất	0	2.805.144.250	2.547.297.000	257.847.250
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	0	4.000.000	4.000.000	0
<b>Tổng</b>	<b>187.887.770</b>	<b>3.942.357.003</b>	<b>3.225.142.901</b>	<b>905.101.872</b>
	01/01/2016	Số phải thu trong năm	Số đã thu trong năm	18/7/2016
<b>b- Phải thu</b>	<b>243.241.927</b>	<b>6.964.375.916</b>	<b>6.989.075.274</b>	<b>218.542.569</b>
Thuế giá trị gia tăng	240.629.709	6.964.375.916	6.989.075.274	215.930.351
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.612.218	0	0	2.612.218
<b>Cộng</b>	<b>243.241.927</b>	<b>6.964.375.916</b>	<b>6.989.075.274</b>	<b>218.542.569</b>

**13. Doanh thu chưa thực hiện**

	18/7/2016	01/01/2016
<b>a- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn</b>	<b>759.012.026</b>	<b>0</b>
Doanh thu cho thuê địa điểm	759.012.026	0
<b>b- Doanh thu chưa thực hiện dài hạn</b>	<b>0</b>	<b>40.000.000</b>
Doanh thu cho thuê địa điểm	0	40.000.000
<b>Cộng</b>	<b>759.012.026</b>	<b>40.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***14. Phải trả khác**

	<b>18/7/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
<b>a- Ngắn hạn</b>	<b>38.012.718.270</b>	<b>37.927.350.234</b>
Phải trả về cổ phần hóa	26.159.958.962	26.137.724.688
Công ty Cổ phần HBI - Hợp tác kinh doanh (*)	10.000.000.000	10.000.000.000
Kinh phí công đoàn	1.303.939.415	1.103.087.069
Bảo hiểm xã hội	297.176.120	594.444.840
Bảo hiểm y tế	67.576.981	31.622.116
Bảo hiểm thất nghiệp	60.835.567	17.651.929
Lãi chậm trả Bảo hiểm xã hội	31.561.798	20.639.592
Công ty TNHH Hoá dệt Hà Tây (**)	4.080.000	4.080.000
Công ty Cổ phần Licogi 12.9	7.000.000	7.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	80.589.427	11.100.000
<b>Cộng</b>	<b>38.012.718.270</b>	<b>37.927.350.234</b>

(\*): Đây là khoản vốn góp của Công ty Cổ phần HBI tham gia hợp tác đầu tư thực hiện Dự án đầu tư xây dựng tổ hợp Văn phòng, nhà ở cao cấp kết hợp dịch vụ thương mại tại địa chỉ số 277 Nguyễn Trãi và số 74 phố Hạ Đình thuộc phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội theo thỏa thuận nguyên tắc hợp tác kinh doanh số 01/2010/TTNTHTKD ngày 11/11/2010.

(\*\*): Đây là các khoản đi vay mượn vật tư, công cụ sản xuất.

**CÔNG TY TNHH MTV GIẤY THƯỢNG ĐÌNH**

Mẫu số B09 - DN

Địa chỉ: Số 277 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Tel: 04.3854 1262

Fax: 04. 3858 2063

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**15. Vay và nợ thuê tài chính**

	01/01/2016		Phát sinh trong kỳ		18/7/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a- Vay ngắn hạn</b>	<b>45.307.949.007</b>	<b>45.307.949.007</b>	<b>100.660.741.165</b>	<b>105.971.513.829</b>	<b>39.997.176.343</b>	<b>39.997.176.343</b>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thành Công (*)</i>	<i>45.307.949.007</i>	<i>45.307.949.007</i>	<i>100.660.741.165</i>	<i>105.971.513.829</i>	<i>39.997.176.343</i>	<i>39.997.176.343</i>
Đồng Việt Nam	1.450.493.600	1.450.493.600	16.151.369.788	7.837.889.013	9.763.974.375	9.763.974.375
Vay ngoại tệ	43.857.455.407	43.857.455.407	84.509.371.377	98.133.624.816	30.233.201.968	30.233.201.968
+ Nguyên tệ (USD)	1.944.528,98	1.944.528,98	3.788.822,42	4.379.423,86	1.353.927,54	1.353.927,54
+ Quy đổi (đồng)	43.857.455.407	43.857.455.407	84.509.371.377	98.133.624.816	30.233.201.968	30.233.201.968
<b>b- Vay dài hạn</b>	<b>227.692.675</b>	<b>227.692.675</b>	<b>15.727.075</b>	<b>122.279.500</b>	<b>121.140.250</b>	<b>121.140.250</b>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Thành Công (*)</i>	<i>227.692.675</i>	<i>227.692.675</i>	<i>15.727.075</i>	<i>122.279.500</i>	<i>121.140.250</i>	<i>121.140.250</i>
Vay ngoại tệ	227.692.675	227.692.675	15.727.075	122.279.500	121.140.250	121.140.250
+ Nguyên tệ (USD)	10.850,00	10.850,00	0	5.425,00	5.425,00	5.425,00
+ Quy đổi (đồng)	227.692.675	227.692.675	15.727.075	122.279.500	121.140.250	121.140.250
<b>Cộng</b>	<b>45.535.641.682</b>	<b>45.535.641.682</b>	<b>100.676.468.240</b>	<b>106.093.793.329</b>	<b>40.118.316.593</b>	<b>40.118.316.593</b>

(\*) : Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

Số hợp đồng	Hạn mức tín dụng (đ)	Ngày hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Dư tại 18/7/2016		Hình thức đảm bảo (**)
					USD	đ	
<b>Vay ngắn hạn VNĐ</b>							
01/16/HM/51465	60.000.000.000	11/3/2016	Tối đa 6 tháng	Điều chỉnh	0	9.763.974.375	
<b>Vay ngắn hạn USD</b>							
01/16/HM/51465	60.000.000.000	11/3/2016	Tối đa 6 tháng	Điều chỉnh	1.353.927,54	30.233.201.968	

(\*) : Chi tiết các khoản vay dài hạn

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất	Dư tại 18/7/2016		Hình thức đảm bảo (**)
				USD	đ	
<b>Vay dài hạn USD</b>						
01/11/TH/51465	02/12/2011	5 năm	5,50%	5.425,00	121.140.250	

(\*\*): Công ty đang thế chấp bằng toàn bộ tài sản gắn liền với đất được xây dựng tại khu công nghiệp Đồng Văn; máy móc, thiết bị sản xuất giấy của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***16. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Vốn khác của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	63.536.732.490	0	0	0	63.536.732.490
Lãi trong năm trước	0	0	0	1.377.925.891	1.377.925.891
Phân phối lợi nhuận	413.377.767	0	0	(1.377.925.891)	(964.548.124)
Giảm vốn trong năm	(22.621.618.279)	0	0	0	(22.621.618.279)
<b>Số dư cuối năm trước, Số dư đầu năm nay</b>	<b>41.328.491.978</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>41.328.491.978</b>
Lãi trong năm nay	0	0	0	1.939.873.987	1.939.873.987
Tăng vốn trong năm (1*)	61.191.075.864	682.146.536	357.141.706	0	62.230.364.106
Phân phối lợi nhuận (2*)	532.600.781	0	0	(1.775.335.936)	(1.242.735.155)
Giảm vốn trong năm (3*)	(9.370.022.087)	0	0	0	(9.370.022.087)
Giảm khác (4*)	(682.146.536)	0	0	(164.538.051)	(846.684.587)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>93.000.000.000</b>	<b>682.146.536</b>	<b>357.141.706</b>	<b>0</b>	<b>94.039.288.242</b>

(1\*): Tăng vốn chủ sở hữu theo Quyết định số 912/QĐ-UBND ngày 24/02/2015 và Quyết định số 6591/STC-TCDN ngày 07/12/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, số tiền là 61.191.075.864 đồng.

Tăng thặng dư vốn cổ phần theo Quyết định số 6591/STC-TCDN ngày 07/12/2015 của Sở Tài chính thành phố Hà Nội, số tiền là 357.141.706 đồng và tăng vốn khác của chủ sở hữu phần vốn lớn hơn vốn đã đăng ký trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100939 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19/7/2016, số tiền là 682.146.536 đồng.

(2\*): Văn phòng Công ty tạm phân phối lợi nhuận trên cơ sở lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 18/7/2016 của toàn Công ty và phân phối theo hướng dẫn tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính Phủ về việc “Đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp”.

(3\*): Giảm vốn trong năm do loại trừ giá trị cổ phần tại Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội với số tiền là 9.135.300.000 đồng và giảm giá trị quỹ khen thưởng, phúc lợi Công ty được giữ lại với số tiền là 234.722.087 đồng theo Quyết định số 912/QĐ-UBND ngày 24/02/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

(4\*): Công ty giảm phần vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn đã đăng ký trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100939 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19/7/2016 số tiền là 682.146.536 đồng và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trong năm theo biên bản thanh tra thuế năm 2014, số tiền là 164.538.051 đồng.

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	18/7/2016	01/01/2016
Vốn góp của Nhà nước	93.000.000.000	41.328.491.978
<b>Cộng</b>	<b>93.000.000.000</b>	<b>41.328.491.978</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**16. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	<b>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/7/2016</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	
+ Vốn góp đầu năm	41.328.491.978
+ Vốn góp tăng trong kỳ	61.723.676.645
+ Vốn góp giảm trong kỳ	10.052.168.623
+ Vốn góp cuối kỳ	93.000.000.000

**d) Chi tiết vốn khác của chủ sở hữu đến ngày 18/7/2016:**

Nội dung	Giai đoạn tài chính từ 01/7/2014 đến 31/12/2014	Năm tài chính 2015	Giai đoạn tài chính cuối cùng từ 01/01/2016 đến 18/7/2016
Tăng vốn từ Lợi nhuận sau thuế (sau khi trừ trích lập Quỹ Khen thưởng Phúc lợi)	168.286.750	413.377.767	532.600.781
Giảm vốn (do tính hao mòn của TSCĐ hình thành từ nguồn kinh phí)	(29.031.246)	(58.062.328)	0
<b>Tổng thay đổi VCSH</b>	<b>139.255.504</b>	<b>355.315.439</b>	<b>532.600.781</b>
<b>Tổng cộng thay đổi VCSH</b>			<b>1.027.171.724</b>
<i>Chi tiết:</i>			
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			345.025.188
Vốn khác của CSH			682.146.536

**17. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	<b>18/7/2016</b>	<b>01/01/2016</b>
<b>b. Tài sản nhận giữ hộ (*)</b>	<b>9.135.300.000</b>	<b>0</b>
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội (đồng)	9.135.300.000	0
<b>Cộng</b>	<b>9.135.300.000</b>	<b>0</b>
<b>c- Ngoại tệ các loại</b>	<b>95.495.67</b>	<b>2.751,19</b>
Đô la Mỹ (USD)	95.495.67	2.751,19
<b>Cộng</b>	<b>95.495.67</b>	<b>2.751,19</b>

**e. Các thông tin khác về các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

(\*) Tại ngày 01/01/2016: Vốn góp của Công ty TNHH Một thành viên Giấy Thượng Đình tại Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội là 9.135.300.000 đồng, tỷ lệ vốn góp tương ứng 34,47% vốn điều lệ.

Đến thời điểm 18/7/2016, giá trị vốn góp này Công ty vẫn chưa thoái được. Theo Quyết định số 912/QĐ-UBND ngày 24/02/2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Giấy Thượng Đình. Công ty loại trừ khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Cao su Hà Nội ra khỏi giá trị định giá cổ phần hóa. Khoản đầu tư này được theo dõi trên khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán để thu hồi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Đơn vị tính: đồng

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/7/2016	
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	154.831.987.201
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.110.125.724
Doanh thu khác	425.186.100
<b>Cộng</b>	<b>160.367.299.025</b>

**2. Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ**

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/7/2016	
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	154.831.987.201
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.110.125.724
Doanh thu khác	425.186.100
<b>Cộng</b>	<b>160.367.299.025</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/7/2016	
Giá vốn hàng bán	134.625.170.351
<b>Cộng</b>	<b>134.625.170.351</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/7/2016	
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	226.009.859
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	475.345.603
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	137.866.465
<b>Cộng</b>	<b>839.221.927</b>

**5. Chi phí hoạt động tài chính**

Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/7/2016	
Lãi tiền vay	696.891.173
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	321.547.618
<b>Cộng</b>	<b>1.018.438.791</b>



**CÔNG TY TNHH MTV GIÀY THƯỢNG ĐÌNH**

Mẫu số B09 - DN

Địa chỉ: Số 277 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Tel: 04.3854 1262

Fax: 04. 3858 2063

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***6. Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp**

Từ ngày 01/01/2016  
đến ngày 18/7/2016

**a- Chi phí bán hàng**

Chi phí dịch vụ mua ngoài

1.087.665.181

Chi phí bằng tiền khác

3.372.032.920

**Cộng****4.459.698.101****b- Chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí nhân viên quản lý

12.069.612.387

Chi phí đồ dùng văn phòng

72.165.364

Chi phí vật liệu quản lý

219.129.561

Chi phí khấu hao TSCĐ

578.175.457

Thuế, phí, lệ phí

3.017.923.207

Chi phí dịch vụ mua ngoài

1.243.442.422

Chi phí bằng tiền khác

1.211.464.993

**Cộng****18.411.913.391****7. Thu nhập khác**

Từ ngày 01/01/2016  
đến ngày 18/7/2016

Thu nhập khác

44.616.338

**Cộng****44.616.338****8. Chi phí khác**

Từ ngày 01/01/2016  
đến ngày 18/7/2016

Phạt chậm nộp thuế

196.985.135

Thanh lý tài sản

87.280.292

Phạt chậm nộp BHXH

12.505.958

Chi phí khác

0

**Cộng****296.771.385**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/7/2016
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>2.439.145.271</b>
<b>Các khoản điều chỉnh lợi nhuận khi tính thuế TNDN</b>	<b>57.211.147</b>
Điều chỉnh tăng	242.206.930
- Lỗi chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại cuối kỳ của khoản mục phải thu có gốc ngoại tệ	11.092.837
- Phạt chậm nộp thuế	196.985.135
- Phạt chậm nộp BHXH	12.505.958
- Chi phí không có chứng từ hợp lệ	21.623.000
Điều chỉnh giảm	184.995.783
- Lỗi chênh lệch tỷ giá khi đánh giá lại cuối kỳ các khoản mục tiền có gốc ngoại tệ	768.400
Chuyển lỗ Nhà máy Sản xuất giày da xuất khẩu - Hà Nam	184.227.383
<b>Tổng thu nhập tính thuế</b>	<b>2.496.356.418</b>
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>499.271.284</b>

**10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/7/2016
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	71.299.629.360
Chi phí nhân công	46.382.936.890
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.366.111.862
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.953.916.810
Chi phí khác bằng tiền	6.226.909.742
<b>Cộng</b>	<b>151.229.504.664</b>

**11. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính**

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc xem xét áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

**11.1 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 18/7/2016 và ngày 31/12/2015.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**11.1 Rủi ro thị trường (tiếp theo)**

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên Bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 18/7/2016 và ngày 31/12/2015.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

**Độ nhạy đối với lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau:

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay và nợ, tiền với lãi suất thả nổi không có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty.

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 18/7/2016</b>		
Đồng	+100	(38.264.831)
Đồng	-100	88.264.831
<b>Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31/12/2015</b>		
Đồng	+200	(187.374.004)
Đồng	-200	187.374.004

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Công ty chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Công ty bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

**Độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính là không đáng kể.

**Rủi ro về giá cổ phiếu**

Tại thời điểm 18/7/2016, Công ty không thực hiện nắm giữ khoản đầu tư cổ phiếu nào.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**11.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

*Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tuy nhiên tại thời điểm 18/7/2016, Văn phòng Công ty còn tồn tại một số khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán (Chi tiết tại thuyết minh số V.6).

*Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**11.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

***Nợ phải trả tài chính:***

<b>Tại ngày 18/7/2016</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1 đến 5 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
Các khoản vay và nợ	39.997.176.343	121.140.250	40.118.316.593
Phải trả người bán	36.828.794.621	0	36.828.794.621
Phải trả khác	10.011.080.000	0	10.011.080.000
<b>Cộng</b>	<b>86.837.050.964</b>	<b>121.140.250</b>	<b>86.958.191.214</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>			
Các khoản vay và nợ	45.307.949.007	227.692.675	45.535.641.682
Phải trả người bán	45.226.763.463	0	45.226.763.463
Phải trả khác	10.005.180.000	0	10.005.180.000
<b>Cộng</b>	<b>100.539.892.470</b>	<b>227.692.675</b>	<b>100.767.585.145</b>

**Tài sản đảm bảo**

Công ty đang thế chấp bằng toàn bộ tài sản gắn liền với đất được xây dựng tại khu công nghiệp Đồng Văn; máy móc, thiết bị sản xuất giày và tiền gửi có kỳ hạn của Văn phòng Công ty cho khoản vay ngắn hạn và dài hạn tại Ngân hàng vào ngày 18/7/2016 và ngày 01/01/2016.

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 18/7/2016 và ngày 01/01/2016.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**12. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính**

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty:

	Giá trị ghi sổ (đồng)				Giá trị hợp lý (đồng)	
	18/7/2016		01/01/2016		18/7/2016	01/01/2016
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	31.291.833.476	0	36.166.941.485	0	31.291.833.476	36.166.941.485
Đầu tư ngắn hạn	7.740.845.320	0	9.135.300.000	0	7.740.845.320	9.135.300.000
Phải thu khách hàng	41.511.817.991	0	50.492.575.439	0	41.511.817.991	50.492.575.439
Phải thu khác	64.688.623	0	56.780.480	0	64.688.623	56.780.480
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>80.609.185.410</b>	<b>0</b>	<b>95.851.597.404</b>	<b>0</b>	<b>80.609.185.410</b>	<b>95.851.597.404</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>						
Vay và nợ	40.118.316.593	0	45.535.641.682	0	40.118.316.593	45.535.641.682
Phải trả người bán	36.828.794.621	0	45.226.763.463	0	36.828.794.621	45.226.763.463
Phải trả khác	10.011.080.000	0	10.005.180.000	0	10.011.080.000	10.005.180.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>86.958.191.214</b>	<b>0</b>	<b>100.767.585.145</b>	<b>0</b>	<b>86.958.191.214</b>	<b>100.767.585.145</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính khác chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 18/7/2016 và ngày 01/01/2016. Tuy nhiên, Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Đơn vị tính: đồng

**1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ**

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường

**Cộng**

Từ ngày 01/01/2016  
đến ngày 18/7/2016

100.741.352.091

**100.741.352.091**

**CÔNG TY TNHH MTV GIÀY THƯỢNG ĐÌNH**

Mẫu số B09 - DN

Địa chỉ: Số 277 Nguyễn Trãi, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Tel: 04.3854 1262

Fax: 04. 3858 2063

Ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ**

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường

**Cộng**

Từ ngày 01/01/2016

đến ngày 18/7/2016

105.845.154.792

**105.845.154.792****VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ hoạt động**

Bắt đầu từ ngày 19/7/2016, Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu vốn từ TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu sang mô hình cổ phần theo quyết định số 3563/QĐ-UBND ngày 29/6/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc “Chuyển Công ty TNHH MTV Giày Thượng Đình thành Công ty Cổ phần Giày Thượng Đình”; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100100939 đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 19/7/2016.

**2. Giao dịch với các bên liên quan**

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm tài chính cuối cùng từ ngày 01/01/2016 đến ngày 18/7/2016 giữa Công ty và các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Phát sinh tăng trong kỳ (đồng)
Ban Tổng Giám đốc	Lương	335.710.610

**3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Công ty nhận định rằng rủi ro và tỷ suất sinh lời bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về khu vực địa lý mà Công ty cung cấp hàng hóa. Công ty kết luận rằng bộ phận theo khu vực địa lý là báo cáo chính yếu, bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là báo cáo thứ yếu và sẽ trình bày báo cáo bộ phận chính yếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**3. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (tiếp theo)**

Báo cáo bộ phận chính yếu theo khu vực địa lý:

	<i>Đơn vị tính: đồng</i>		
	Hàng hóa xuất khẩu	Hàng hóa bán nội địa và dịch vụ khác	Cộng
<b>1. Doanh thu thuần</b>			
Doanh thu từ bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	95.889.510.820	64.477.788.205	160.367.299.025
<b>2 Chi phí</b>			
Giá vốn (*)	80.497.344.580	54.127.825.771	134.625.170.351
Chi phí phân bổ	13.675.778.360	9.195.833.132	22.871.611.492
<b>3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (Không bao gồm hoạt động tài chính)</b>	<b>1.716.387.880</b>	<b>1.154.129.302</b>	<b>2.870.517.182</b>
<b>4 Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ</b>	<b>82.993.629</b>	<b>55.806.371</b>	<b>138.800.000</b>
<b>5 Tài sản bộ phận</b>	<b>130.528.082.716</b>	<b>87.769.371.229</b>	<b>218.297.453.945</b>
6 Tài sản không phân bổ	0	0	0
Tổng tài sản	130.528.082.716	87.769.371.229	218.297.453.945
<b>7 Nợ phải trả bộ phận</b>	<b>74.092.227.657</b>	<b>49.820.912.858</b>	<b>123.913.140.515</b>
Tổng nợ phải trả	74.092.227.657	49.820.912.858	123.913.140.515

(\*): Giá vốn của Công ty được phân bổ theo tỷ lệ giữa doanh thu cung cấp hàng xuất khẩu và bán nội địa.

**4. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty TNHH Một thành viên Giấy Thượng Đình được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ tin học TP. Hồ Chí Minh (AISC).

**5. Tính hoạt động liên tục**

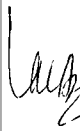
Không có dấu hiệu nào cho thấy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra không liên tục.

Hà Nội, ngày 17 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu



Trưởng phòng kế toán



Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trịnh Thị Thúy Mai

Nguyễn Duy Tân